

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/5/2022

“ V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phú.

Ông Ngô Văn Bê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 12/5/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 về việc “tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXX-ST ngày 25/4/2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị H, sinh năm: 1986. (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn Lương Khoai, xã Huyền S, huyện Lục N, tỉnh B.

Nơi ở: Thành phố LIMA SSOL, CYPRUS, Đảo Síp

***Bị đơn:** Anh Bùi Văn Xuân, sinh năm: 1979. (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Lương Khoai, xã Huyền S, huyện Lục N, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai đề ngày 29/3/2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Vũ Thị H trình bày:

Chị và anh Bùi Văn Xuân kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Huyền S, huyện Lục N, tỉnh B ngày 03/11/2006, được Ủy ban nhân dân xã Huyền S cấp giấy

chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Lương Khoai, xã Huyền S, huyện Lục N, tỉnh B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa hợp, hạnh phúc. Đến năm 2010 được sự thống nhất của anh Xuân chị đi xuất khẩu lao động tại Đảo Síp để xây dựng kinh tế cho gia đình. Đến đầu năm 2019, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, việc của ai người đó làm. Từ cuối tháng 11/2019 vợ chồng đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn Xuân.

-Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Bùi Xuân S, sinh ngày 06/5/2008. Hiện nay, cháu S đang ở cùng với anh Xuân và bà nội, ly hôn nguyện vọng của chị là được nuôi dưỡng con chung. Trường hợp ly hôn cháu S có nguyện vọng được ở với anh Xuân thì chị cũng đồng ý giao con chung cho anh Xuân nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nếu được nuôi con thì chị không yêu cầu anh Xuân phải cấp dưỡng nuôi con cho chị. Còn cháu S ở với anh Xuân thì chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

-Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay, chị từ Đảo Síp về Việt Nam nghỉ phép thăm gia đình, thời gian ở Việt Nam của chị không lâu, chị lại phải sang Đảo Síp lao động tiếp. Nên chị đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn và đề nghị Tòa án cho chị được phép vắng mặt trong các buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa chị và anh Bùi Văn Xuân.

Bị đơn anh Bùi Văn Xuân trình bày: Anh và chị Vũ Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Huyền S, huyện Lục N, tỉnh B, ngày 03/11/2006. Sau khi kết hôn Chị H về nhà anh làm dâu và ở chung cùng gia đình anh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa hợp, hạnh phúc. Đến năm 2010 thì Chị H đi xuất khẩu lao động tại Đảo Síp. Đến đầu năm 2019 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, việc của ai người đó làm. Từ cuối tháng 11/2019 vợ chồng đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay chị Vũ Thị H có đơn đề nghị xin ly hôn với anh, thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị Vũ Thị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Bùi Xuân S, sinh ngày 06/5/2008. Hiện nay cháu S đang ở cùng với anh, ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng con chung vì kể từ khi Chị H đi nước ngoài thì cháu S vẫn ở cùng anh và do anh chăm sóc và nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do tính chất công việc nên anh không tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa Chị H và anh được. Vì vậy, anh đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa Chị H và anh.

Tại đơn trình bày cháu Bùi Xuân S trình bày các cháu là con của bố Bùi Văn Xuân và mẹ Vũ Thị H. Hiện nay cháu đang ở cùng bố Bùi Xuân S và bà nội. Trường hợp bố mẹ cháu không chung sống cùng nhau nữa thì cháu có nguyện vọng muốn được ở với bố là Bùi Văn Xuân.

Do vụ án các đương sự đều có lời khai rõ ràng, Tòa án không thu thập tài liệu chứng cứ nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa nguyên đơn Chị H, bị đơn anh Xuân đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 bộ luật tố tụng dân sự công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của Chị H; bản tự khai của anh Xuân, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Vũ Thị H và anh Bùi Văn Xuân đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Chị H, anh Xuân.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Vũ Thị H là nguyên đơn, hiện đang lao động tại Đảo Síp có đơn xin ly hôn anh Bùi Văn Xuân, anh Xuân có hộ khẩu thường trú tại Thôn Lương Khoai, xã Huyền S, huyện Lục N, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Bùi Văn Xuân kết hôn ngày 03/11/2006, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Huyền S, huyện Lục N, tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn Chị H về nhà chồng làm dâu, ở chung cùng gia đình chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2010 Chị H đi xuất khẩu lao động ở Đảo Síp, đến năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra và hai bên đã không còn quan tâm và liên lạc gì với nhau nữa. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, Chị H xin ly hôn anh Xuân, anh Xuân cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị H và anh Xuân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho Chị H và anh Xuân được ly hôn.

[4]. Về con chung: Chị H và anh Xuân có 01 con chung là cháu Bùi Xuân S, sinh ngày 06/5/2008. Ly hôn anh Xuân đề nghị Tòa án giao con chung cho anh nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh Xuân: Hội đồng xét xử thấy hiện nay Chị H đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung. Chị Vũ Thị H từ khi đi nước ngoài thì cháu Bùi Xuân S vẫn do anh Xuân là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, cháu phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần, được đi học đầy đủ. Ngoài ra, cháu S trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình giao cho anh Xuân trực tiếp nuôi con chung là cháu Bùi Xuân S, sinh ngày 06/5/2008. Chị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở Chị H thực hiện quyền này.

Trường hợp chị Vũ Thị H về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về tài sản chung, công nợ: Chị H và anh Xuân đều xác định không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận Chị H đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, Điều 107, Điều 110, Điều 115, Điều 116, Điều 117 và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1, 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị H được ly hôn anh Bùi Văn Xuân.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Bùi Văn Xuân là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Xuân S, sinh ngày 06/5/2008 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Vũ Thị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở Chị H thực hiện quyền này.

Trường hợp chị Vũ Thị H về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000360 ngày 31/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận Chị H đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị H vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 15 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Bùi Văn Xuân vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Huyện S, huyện Lục N, tỉnh B.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phú Ngô Văn Bê

Trần Thị Hà

